

BIỂU PHÍ VÀ LÃI SUẤT ĐỐI CHO THẺ TÍN DỤNG LIÊN KẾT MCREDIT - MB

STT	Tên phí	Mức phí
I	Phí quản lý thẻ	
1	Phí phát hành thẻ	Miễn phí
2	Phí thường niên	
	Năm đầu	Miễn phí
	Từ năm thứ 2	199.000 VND/ năm
3	Phí thay thẻ/ cấp lại thẻ ^(*)	100.000 VND/ lần
4	Phí báo thẻ thất lạc, mất cắp	Miễn phí
5	Yêu cầu khóa thẻ	Miễn phí
6	Yêu cầu khóa thẻ và cập nhật lên danh sách thẻ JCB cấm lưu hành	900.000 VND/ lần
7	Phí tra soát, khiếu nại thẻ	Miễn phí
8	Phí gửi sao kê (sao kê điện tử gửi qua email)	Miễn phí
9	Phí cấp lại sao kê (theo yêu cầu chủ thẻ)	50.000 VND/ lần
10	Phí yêu cầu xác nhận thông tin chủ thẻ hoặc các yêu cầu phát sinh khác	100.000 VND/ lần
11	Phí chấm dứt sử dụng thẻ (theo yêu cầu chủ thẻ)	100.000 VND
II	Phí dịch vụ thẻ	
12	Phí phạt chậm thanh toán	4% Số tiền chậm thanh toán. Tối thiểu 150.000 VND
13	Phí thay đổi hạn mức	100.000 VND/ lần
14	Phí cung cấp bản sao hóa đơn (theo yêu cầu của chủ thẻ)	
	- Tại Đơn vị chấp nhận thẻ của MB	50.000 VND/ bản
	- Tại Đơn vị chấp nhận thẻ của Ngân hàng khác	80.000 VND/ bản
15	Phí chuyển đổi ngoại tệ (Khi thanh toán, rút tiền mặt bằng ngoại tệ)	3% Số tiền giao dịch
16	Phí giao dịch qua ATM MB	
	Phí rút tiền mặt tại ATM	1.5% Số tiền giao dịch. Tối thiểu 10.000 VND
	Phí đổi mã PIN	Miễn phí
	Phí in sao kê	Miễn phí
	Phí xem số dư	Miễn phí

17	Phí rút tiền qua ATM ngân hàng khác (Không bao gồm phí mà Ngân hàng thanh toán thu thêm)	1.5% Số tiền giao dịch. Tối thiểu 10.000VND
18	Phí giao dịch qua POS hoặc Internet	Miễn phí
19	Phí thu hộ - Đã bao gồm VAT	12.000 VND/ lần

Ghi chú:

- Biểu phí trên không bao gồm biểu phí của các sản phẩm/ dịch vụ đặc thù được Mcredit ban hành theo quy định từng thời kỳ.
- Biểu phí trên chưa bao gồm VAT (10%). Các mục phí 2,12 không thuộc đối tượng chịu VAT
- (*) Phí thay thế thẻ: Phí phát hành lại thẻ trong trường hợp Khách hàng yêu cầu khi Thẻ bị lỗi, Thẻ bị mất/bị đánh cắp/bị nuốt tại ATM hoặc yêu cầu phát hành Thẻ mới thay thế thẻ cũ, thẻ hỏng...
- (*) Phí cấp lại thẻ: Phí tái cấp thẻ tín dụng khi khách hàng hết hiệu lực thẻ.

II. Phí cho dịch vụ trả góp.

1	Phí chuyển đổi trả góp: Áp dụng cho Đơn vị liên kết .				
	Biểu phí (chưa bao gồm phí VAT)	Mcredit			
		Kỳ hạn (tháng)			
		3	6	9	12
	Phí đăng kí trả góp cho giao dịch từ 3.000.000 VNĐ trở lên	2.99%	5.99%	9.99%	12.49%
	Phí đăng kí trả góp cho giao dịch từ 500.000 đến 2.999.999 VNĐ	50.000 VNĐ			
	Phí tất toán trả góp	5% giá trị giao dịch đăng kí trả góp, tối thiểu 150.000 VNĐ			
2	Phí chuyển đổi trả góp: Áp dụng cho các Đơn vị không liên kết .				
	Biểu phí (chưa bao gồm phí VAT)	Mcredit			
		Kỳ hạn (tháng)			
		3	6	9	12
	Phí đăng kí trả góp cho giao dịch từ 3.000.000 VNĐ trở lên	2.99%	5.99%	9.99%	12.49%
	Phí tất toán trả góp	5% giá trị giao dịch đăng kí trả góp, tối thiểu 150.000 VNĐ			

III. Phí bảo hiểm áp dụng cho sản phẩm Cash card

STT	Nội dung	Mức phí
1	Phí bảo hiểm giao dịch thành công. <i>Lưu ý: Giao dịch thành công là việc sử dụng thẻ tín dụng để:</i> - Rút tiền mặt. - Thanh toán hàng hóa, dịch vụ. - Sử dụng các dịch vụ khác do tổ chức phát hành thẻ, tổ chức thanh toán thẻ cung cấp... <i>Các giao dịch trên không có tra soát khiếu nại.</i>	5.5%/giao dịch

IV. Lãi suất

STT	Nội dung	Mức lãi suất
1	Lãi suất	
	a. Lãi suất áp dụng cho khách hàng là cán bộ nhân viên	Căn cứ theo quy định từng sản phẩm
	b. Lãi suất áp dụng cho khách hàng không phải là cán bộ nhân viên	
	- Hạng Vàng	Căn cứ theo quy định từng sản phẩm
	- Hạng Chuẩn	Căn cứ theo quy định từng sản phẩm
2	Thời hạn miễn lãi tối đa (Áp dụng cho giao dịch mua sắm hàng hóa/dịch vụ)	45 ngày
3	Lãi suất quá hạn	150% Lãi suất trong hạn